# BÀI GHI TUẦN 13

# Tiết 30+31 : BÀI 3: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ HAI SỐ NGUYÊN

**2. Tính chất của phép cộng**

**a) Tính chất giao hoán**

**HĐKP4:**

Ta có:

(-1) + (-3) = - 4

(-3) + (-1) = - 4

=> (-1) + (-3) = (-3) + (-1)

Ta có:

(-7) + (-6) = -13

(-6) + (-7) = -13

=>  (-7) + (-6) = (-6) + (-7)

**Phép cộng số nguyên có tính chất giao hoán, nghĩa là: a + b = b + a**

*Chú ý:* **a + 0 = 0 + a**

**b) Tính chất kết hợp**

**HĐKP5:**

Ta có: [(-3) + 4] + 2 = 1 + 2 = 3

    (-3) + (4 + 2) = (-3) + 6 = 3

    [(-3) + 2] + 4 = (-1) + 4 = 3

=> [(-3) + 4] + 2 = (-3) + (4 + 2) = (-3) + (4 + 2)

**Phép cộng các số nguyên có tính chất kết hợp: ( a + b) + c = a + (b + c)**

***Chú ý:***

+ Tổng (a +b) + c hoặc a + (b+c) là tổng của ba số nguyên a, b, c và viết là a + b +c; a, b, c là các số hạng của tổng.

+ Để tính tổng của nhiều số, ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng ( tính giao hoán), hoặc nhóm tùy ý các số hạng ( tính kết hợp) để việc tính toán được đơn giản và thuận lợi hơn.

**Thực hành 3:**

a) 23 + (-77) + (-23) + 77 = [23 + (-23)] + [(-77) + 77] = 0.

b) (-2 020) + 2 021 + 21 + (-22) = [(-2 020) + 2 021] + [21 + (-22)] = 1 + (-1) = 0.

**4. Phép trừ hai số nguyên**

**HĐKP6:**

a) Mũi khoan đang ở độ cao: 5 - 10 = -5 (m) số với mực nước biển.

b) Ta có:

5 - 2 = 3

5 + (-2) = 5 - 2 = 3

=> 5 – 2 = 5 + (-2)

**Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b: a – b = a + (-b)**

***Chú ý:***

- Cho hai số nguyên a và b.. Ta gọi a –b là hiệu của a và b ( a được gọi là số bị trừ, b là số trừ)

- Phép trừ luôn thực hiện được trong tập hợp số nguyên.

=> Hiệu của hai số nguyên a và b là tổng của a và số đối của b.

**Thực hành 4:**

a) 6 – 9 = 6 + (-9) = -(9 – 6) = -3

b) 23 – (-12) = 23 + 12 = 35

c) (-35) – (-60) = (-35) + 60 = 60 – 35 = 25

d) (-47) – 53 = (-47) + (-53) = - (47 + 53) = -100

e) (-43) – (-43) = (-43) + 43 = 0

5. **Quy tắc dấu ngoặc**

**HĐKP7:**

a) Ta có:(4 + 7) = - 11

(-4 - 7) = - (4 + 7) = -11=> - (4 + 7) = (-4 - 7)

b) Ta có: (12 - 25) = (-12) + 25 = 13

(-12 + 25) = 25 – 12 = 13

=> - (12 - 25) = (-12 + 25)

c) Ta có: (-8 + 7) = 8 – 7 = 1

(8 – 7) = 1

=> - (-8 + 7) = (8 - 7)

d) Ta có:

+(- 15 - 4) = (-15) + 4 = - (15 + 4) = - 19

(-15 – 4) = -19=> +(- 15 – 4) = (-15 – 4)

e) Ta có:

+(23 – 12) = 23 - 12 = 11

(23 – 12) = 11=> +(23 – 12) = (23 – 12)

KL: Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc:

Có dấu “+”, thì vẫn giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc:

 **+ ( a + b - c) = a + b – c**

Có dấu “ – ”, thì phải đổi dấu tất cả các số hạng trong ngoặc.

**- ( a + b - c) = -a - b + c**

**Thực hành 5:**

T = -9 + (-2) – (-3) + (-8)

   = -9 - 2 + 3 - 8

   = -16

**Bài 5 :**

a) 6 – 8 = -2

b) 3 – (-9) = 3 + 9 = 12

c) (-5) – 10 = - (10 + 5) = -15

d) 0 – 7 = -7

e) 4 – 0 = 4

g) (-2) – (-10) = (-2) + 10 = 10 – 2 = 8

**Bài 6:**

a) S = (45 – 3 756) + 3 756 = 45 – 3 756 + 3 756 = 45 + [(– 3 756) + 3 756] = 45

b) S = (-2 021) - (199 – 2 021) = (-2 021) + (-199)  + 2 021 = - 199

**Bài 8 :**

a) Năm sinh của Archimedes: - 287

    Năm mất của Archimedes: - 212

b) Ta tính tuổi của Archimedes bằng: (-212) - (-287) = (-212) + 287 = 75 (tuổi)

Vậy Archimedes mất năm **75** tuổi.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ các quy tắc cộng trừ số nguyên

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm **Bài 1+ 5 + 7+8 ( SBT -tr51, 52)**

- Chuẩn bị bài mới “ **Phép nhân và phép chia hết hai số nguyên**”

**Tiết: 6+7** BÀI 3: BIỂU ĐỒ TRANH

**1. Ôn tập và bổ sung kiến thức.**

**HĐKP1:**

Các thông tin có được từ biểu đồ trong hình 2:

- Số ti vi bán được qua các năm ở siêu thị điện máy A là:

Năm 2016: 500 . 2 = 1 000 TV

Năm 2017: 500 . 3 = 1 500 TV

Năm 2018: 500 + 250 = 750 TV

Năm 2019: 500 . 4 = 2 000 TV

Năm 2020: 500 . 6 = 3 000 TV

Tổng số ti vi bán được từ năm 2016 đến năm 2020 của siêu thị điện máy A:

1000 + 1500 + 750 + 2000 + 3000 = 8 250 TV

- Năm 2020 siêu thị bán được số ti vi nhiều nhất (3 000 TV).

**=> Biểu đồ tranh** sử dụng biểu tượng hoặc hình ảnh để thể hiện dữ liệu. Biểu đồ tranh có tính trực quan, dễ hiểu. Trong biểu đồ tranh, một biểu tượng ( hoặc hình ảnh) có thể thay thế cho một số các đối tượng.

**2. Đọc biểu đồ tranh**

**HĐKP2:**

- Số học sinh được điểm 10 môn toán trong tuần của khối lớp 6: 14 học sinh.

*Trong đó:*

Thứ hai có 3 học sinh

Thứ ba có 2 học sinh

Thứ tư có 1 học sinh

Thứ năm có 5 học sinh

Thứ sáu có 3 học sinh.

*Chú ý:* Để đọc và mô tả dữ liệu ở dạng biểu đồ tranh, trước hết ta cần xác định một hình ảnh ( biểu tượng) thay thế cho bao nhiêu đối tượng. Từ số lượng hình ảnh ( biểu tượng), ta sẽ có số đối tượng tương ứng.

**Vận dụng:**

a) Dưa hấu được các bạn học sinh khối lớp 6 yêu thích nhiều nhất.

b) Táo được các bạn học sinh khối lớp 6 yêu thích ít nhất.

c) Số lượng học sinh yêu thích đối với từng quả:

10 . 2 + 5 = 25 => Táo được 25 học sinh yêu thích.

10 . 5 = 50 => Chuối được 50 học sinh yêu thích.

10 . 7 = 70 => Dưa hấu được 70 học sinh yêu thích.

10 . 4 + 5 = 45 => Cam được 45 học sinh yêu thích.

10 . 6 = 60 => Bưởi được 60 học sinh yêu thích.

**3. Vẽ biểu đồ tranh**

**HĐKP3:**

 Nếu số bạn yêu thích quả táo là 45 thì ta: vẽ thêm 2 biểu tượng ngôi sao.

=> Để biểu diễn dữ liệu thống kê từ bảng vào biểu đồ tranh, ta thực hiện các bước sau:

***Bước 1: Chuẩn bị:***

- Chọn biểu tượng hoặc hình ảnh) đại điện cho dữ liệu cần biểu diễn.

- Xác định mỗi biểu tượng ( hoặc hình ảnh) thay thế cho bao nhiêu đối tượng.

***Bước 2 : Vẽ biểu đồ tranh:***

- Biểu đồ tranh thường gồm hai cột :

+ Cột 1: Danh sách phân loại đối tượng thống kê.

+ Cột 2: Vẽ các biểu tượng thay thế đủ số lượng các đối tượng.

- Ghi tên biểu đồ và các chú thích số lượng tương ứng mỗi biểu tượng của biểu đồ tranh.

**Thực hành:**

Từ bảng thống kê, ta vẽ được biểu đồ tranh như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Màu xe đạp** | **Số xe bán được trong tháng** |
| Xanh dương |  |
| Xanh lá cây |  |
| Đỏ |  |
| Vàng |  |
| Trắng bạc |  |

**Bài 1 :**

a) Xã **E** có ít máy cày nhất (15 máy).

b) Xã **A** có nhiều máy cày nhất (50 máy).

c) Ta có: 50 – 15 = 35 => Xã E có nhiều hơn xã E **35** máy cày.

d) Số máy cày 5 xã:

Xã A: 50 máy cày

Xã B: 45 máy cày

Xã C: 25 máy cày

Xã D: 40 máy cày

Xã E: 15 máy cày

=> Tổng số máy cày: 50 + 45 + 25 + 40 + 25 = 175 máy cày

Vậy: Tổng số máy cày của 5 xã là **175** máy cày.

**Bài 3 :**

|  |
| --- |
| **Số xe ô tô bán được của cửa hàng A** |
| **Năm** | **Số xe bán được** |
| **2016** |  |
| **2017** |  |
| **2018** |  |
| **2019** |  |
| **2020** |  |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại và ghi nhớ nội dung kiến thức cuả bài.

- Làm thêm các bài tập **2** **+ 5 + 6** ( SBT –tr93, 94, 95)

- Đọc và chuẩn bị trước bài sau : “ **Biểu đồ cột – Biểu đồ cột kép**”.